

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN KIẾN AN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày 06-9-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Lầy

Bà Hoàng Thị Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Y, địa chỉ: Tổ 5, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Bùi Duy H; nơi cư trú cuối cùng: Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2021, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng Y trình bày:* Chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 15/12/1992 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn chị Y và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị Y và anh H chung sống tại phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; đến năm 2000 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Y và anh H sống ly thân, anh H lại quay về cư trú tại tổ 1, phường T, quận K,

thành phố Hải Phòng một thời gian ngắn, sau đó anh H đã vào Nam làm ăn sinh sống đến nay không về thăm vợ, con, thỉnh thoảng anh H có gọi điện về cho con nhưng anh H không cung cấp địa chỉ hiện nay anh H đang sinh sống, chị Y không biết hiện nay anh H đang làm ăn, sinh sống ở đâu. Chị Y xác định vợ chồng đã sống ly thân hơn 20 năm nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh H. Về con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 17/5/1992 và Bùi Thị T, sinh ngày 26/8/1993. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn đề nghị của cháu Bùi Thị T và Bùi Duy A là con chung của anh Bùi Duy H và chị Nguyễn Thị Hồng Y thể hiện:* Anh H và chị Y đăng ký kết hôn năm 1992 và cùng chung sống với nhau tại Tổ 5, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; trong cuộc sống chị Y và anh H có xảy ra mâu thuẫn, năm 2000 anh H về sinh sống tại tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, sau đó anh H đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, hiện nay các con không biết địa chỉ cụ thể của anh H, anh H và chị Y đã sống ly thân hơn 20 năm nay. Cả hai con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, có khả năng tự nuôi được bản thân.

*Tại Biên bản xác minh ngày 18/10/2021 thể hiện:* Anh Bùi Duy H, sinh năm 1969 (Có vợ là Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1969) hiện nay không có mặt, không cư trú tại địa bàn tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, lời trình bày của các con chung và các tài liệu như Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của các con đều thể hiện nơi cư trú của anh Bùi Duy H là Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh nơi cư trú của anh H, Do vậy Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Bùi Duy H là Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; do anh H đã vắng mặt tại nơi cư trú nhiều năm nay, nên Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu anh Bùi Duy H về Tòa án nhân dân quận Kiến An để giải quyết việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H nhưng hết thời gian thông báo, anh H không đến Tòa án nhân dân quận Kiến An làm việc như đã thông báo nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh H, không tiến hành hòa giải được và anh H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Y; về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng Y được ly hôn anh Bùi Duy H; về con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 17/5/1992 và Bùi Thị T, sinh ngày 26/8/1993, hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên không giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: Chị Y phải chịu tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 13 tháng 10 năm 2021 chị Nguyễn Thị Hồng Y nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Duy H; anh Bùi Duy H là bị đơn, được xác định có nơi cư trú cuối cùng tại Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An.

[2] Về tố tụng: Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự và yêu cầu anh Bùi Duy H về Tòa án nhân dân quận Kiến An để giải quyết việc chị Nguyễn Thị Hồng Y xin ly hôn anh Bùi Duy H, nhưng hết thời gian ấn định anh H vẫn không có mặt theo nội dung thông báo của Tòa án, Tòa án nhân dân quận Kiến An đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Bùi Duy H vẫn vắng mặt, chị Nguyễn Thị Hồng Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/1992 ngày 15 tháng 12 năm 1992. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn 20 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị Hồng Y được ly hôn anh Bùi Duy H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Y và đề nghị của đại diện

Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H có 02 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 17/5/1992 và Bùi Thị T, sinh ngày 26/8/1993, hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Y không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Y phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Y:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Bùi Duy H có 02 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 17/5/1992 và Bùi Thị T, sinh ngày 26/8/1993, hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng Y, anh Bùi Duy H có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Y phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003563 ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị Hồng Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Hồng Y, anh Bùi Duy H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường T, quận K, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Chính    Vũ Văn Lầy**

**Nguyễn Thị Lan Hương**